

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/ DS - ST

Ngày 29 - 11 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Chí Thân

Bà Vũ Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST - DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXX - ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: tòa nhà T, đường TK, phường TT, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T - Chức vụ: Q.Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Song T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh. (Theo văn bản ủy quyền số 14/2023/QĐ - CTHĐQT, ngày 27/4/2023).

- Người được ủy quyền lại: (Theo văn bản ủy quyền số 157/2023/UQ-L ngày 09/05/2023).

1. Ông Đinh Quang C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên. Địa chỉ: Số A, đường T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Bà Đào Thị Phương T - chức vụ: chuyên viên khách hàng - Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên. Địa chỉ: Số A, đường T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Việt A, sinh năm 1995 và chị Bùi Thu N, sinh năm 1999. Địa chỉ: khu A, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. (Chị Bùi Thu N hiện đã chuyển về sinh sống tại khu B, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh); đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2023, bản tự khai, trong quá trình xét xử người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTĐ31B2021157 ngày 17/8/2021, Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên đã giải ngân cho anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N vay số tiền 50,000,000đ (năm mươi triệu đồng). Mục đích vay vốn để mua sắm đồ gia dụng. Thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất vay trong hạn là 8,5%/năm; Kỳ hạn trả nợ gốc, thời hạn ân hạn: tổng cộng gồm 48 kỳ, từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 47 mỗi kỳ trả số tiền là 1,050,000đ. Riêng kỳ thứ 48 trả số tiền là 650,000đ. Ngày trả gốc đầu tiên là ngày 20/9/2021; Kỳ hạn trả lãi, thời gian ân hạn: ngày 20 hàng tháng theo dư nợ gốc vay ban đầu. Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên đã giải ngân số tiền trên cho anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N tại Giấy rút tiền ngày 18/8/2021.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Đây là khoản vay theo Sản phẩm Tổ liên kết - Hội nông dân thông qua Hội nông dân thị xã Quảng Yên quản lý nên không có tài sản đảm bảo thế chấp tại ngân hàng.

Từ khi vay vốn đến nay, anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đã trả nợ như sau: Từ kỳ trả nợ ngày 20/9/2021 đến 21/02/2022 (6 kỳ): trả nợ bình thường, thỉnh thoảng có chậm trả một vài ngày; từ kỳ trả nợ tháng 03/2022 đến nay: khách hàng không trả nợ. Như vậy, tổng cộng anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N mới trả được 6,300,000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tiền gốc, còn kể từ ngày 20/3/2022 khách hàng không trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/11/2023 anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N còn phải trả là 53,264,091đ (năm mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 43,699,993đ (bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng), lãi quá hạn là 7,294,307đ (bảy triệu hai trăm chín mươi tư nghìn ba trăm linh bảy đồng), lãi chậm trả gốc (150% lãi suất cho vay trong hạn) là 2,268,791đ (hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín

mười một đồng). Mặc dù Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện để anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đều không thực hiện. Việc làm của anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng đã khởi kiện anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N ra Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP B yêu cầu Hội đồng xét xử buộc anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/11/2023 là 53,264,091đ (*năm mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm chín mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là 43,699,993đ (*bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*), lãi quá hạn là 7,294,307đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi tư nghìn ba trăm linh bảy đồng*), lãi chậm trả gốc là 2,268,791đ (*hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng*) và tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N thanh toán hết toàn bộ khoản vay trên.

Trường hợp anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn. Tuy nhiên anh Ngô Việt A không có mặt theo yêu cầu triệu tập của Tòa án. Theo biên bản xác minh tại địa phương, anh Ngô Việt A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh Việt A thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về qua nhà, nhưng không rõ thời điểm trở về. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là chị Bùi Thu N, tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, chị N và anh Việt A là vợ chồng, đến ngày 06/6/2023, chị N và anh Việt A đã ly hôn. Hiện tại chị N đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống tại khu B, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Tại bản tự khai ngày 28/8/2023, chị N thừa nhận: Ngày 18/8/2021, chị và anh Việt A có ký hợp đồng tín dụng vay 50.000.000đ của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên với thời hạn vay là 48 tháng, không có thế chấp với mục đích mua sắm trang thiết bị gia đình.

Thời gian đầu vợ chồng chị trả nợ bình thường; kể từ tháng 3/2022, do điều kiện kinh tế khó khăn nên không trả được nợ nữa. Tính đến tháng 8/2023, chị và anh Ngô Việt A còn nợ Ngân hàng B số tiền là 49,866,400đ (*bốn mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*). Nay, Ngân hàng B yêu cầu chị và anh Việt A phải trả nợ số tiền nói trên, quan điểm của chị về vấn đề này như sau: Thời điểm ký hợp đồng vay tiền, chị và anh Ngô Việt A vẫn còn là vợ chồng, mặc dù chị có ký hợp đồng nhưng chị không phải là người đi nhận tiền và sử dụng số tiền đó, ngoài ra quá trình ly hôn, chị và anh Việt A đã tự thỏa thuận với nhau: anh Việt A sẽ có trách nhiệm trả số tiền đó.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đều vắng mặt, nên không có quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; thủ tục hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án (quy định tại các điều 239, 243, 247, 249, 250, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự).

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự là đã chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy

đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, có mặt khi Tòa án triệu tập để giải quyết, chấp hành đúng nội quy tham gia phiên tòa.

Tuy nhiên, đối với bị đơn là anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đã không chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên đã xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án trên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án là chính xác. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ nhận thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết tự nguyện của các bên tham gia hợp đồng và đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đã trả nợ gốc là 6,300,000đ (*sáu triệu ba trăm nghìn đồng*), còn nợ gốc là 43,700,000đ (*bốn mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*); Từ ngày 20/3/2022, anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ số dư nợ vay trước hạn theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng tín dụng và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về tính nợ lãi quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc kể từ ngày bên vay vi phạm (ngày 20/3/2022) đến ngày 29/11/2023 là 9,564,098đ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Hợp đồng tín dụng, khi bên Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, bên ngân hàng gửi văn bản thông báo cho bên vay, trong đó nêu rõ thời hạn mà bên vay phải trả nợ, ngày 09/5/2023, Ngân hàng đã có văn bản gửi cho anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N thông báo về việc khởi kiện khách hàng vay là đúng quy định.

Căn cứ các Điều 347; khoản 5, khoản 7 Điều 351; Điều 355, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B. Đề nghị HĐXX tuyên buộc anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/11/2023 là 53,264,091đ (*năm mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm chín mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là 43,699,993đ (*bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*), lãi quá hạn là 7,294,307đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi tư nghìn ba trăm linh bảy đồng*), lãi chậm trả gốc là 2,268,791đ (*hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng*) và tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N thanh toán hết toàn bộ khoản vay trên. Buộc anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N. Bị đơn có nơi thường trú ở khu A, phường H, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 195, 196 và 197 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Do đó việc Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là anh Ngô Việt A hiện đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần, nhưng anh Ngô Việt A trốn tránh, không hợp tác, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết, anh Ngô Việt A vẫn vắng mặt tại phiên tòa; chị Bùi Thị N vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N.

[3] *Việc thực hiện yêu cầu nghĩa vụ trả nợ:*

Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD31B2021157 ngày 17/8/2021, Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên đã giải ngân cho anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N vay số tiền 50,000,000đ (*năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay vốn để mua sắm đồ gia dụng. Thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất vay trong hạn là 8,5%/năm; Kỳ hạn trả nợ gốc, thời hạn ân hạn: tổng cộng gồm 48 kỳ, từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 47 mỗi kỳ trả số tiền là 1,050,000đ. Riêng kỳ thứ 48 trả số tiền là 650,000đ. Ngày trả gốc đầu tiên là ngày 20/9/2021; Kỳ hạn trả lãi, thời gian ân hạn: ngày 20 hàng tháng theo dư nợ gốc vay ban đầu. Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên đã giải ngân số tiền trên cho anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N tại Giấy rút tiền ngày 18/8/2021. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Đây là khoản vay theo Sản phẩm Tổ liên kết - Hội nông dân thông qua Hội nông dân thị xã Quảng Yên quản lý nên không có tài sản đảm bảo thế chấp tại ngân hàng.

Từ khi vay vốn đến nay, anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đã trả nợ như sau: Từ kỳ trả nợ ngày 20/9/2021 đến 21/02/2022 (6 kỳ): trả nợ bình thường; từ kỳ trả

nợ tháng 03/2022 đến nay: không trả nợ. Như vậy, tổng cộng anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N mới trả được 6,300,000đ (*sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền gốc, còn kể từ ngày 20/3/2022 do không trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/11/2023 anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N còn phải trả là 53,264,091đ (*năm mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng*), trong đó nợ gốc là 43,699,993đ (*bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*), lãi quá hạn là 7,294,307đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi tư nghìn ba trăm linh bảy đồng*), lãi chậm trả gốc (150% lãi suất cho vay trong hạn) là 2,268,791đ (*hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi mốt đồng*). Mặc dù Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện để anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nhưng anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đều không thực hiện.

Xét thấy thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của Ngân hàng TMCP B hợp đồng có hiệu lực thi hành. Việc làm của anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29 tháng 11 năm 2023 dư nợ gốc là 43,699,993đ (*bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*), lãi quá hạn là 7,294,307đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi tư nghìn ba trăm linh bảy đồng*), lãi chậm trả gốc là 2,268,791đ (*hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi mốt đồng*). Nên buộc anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP B là phù hợp.

* *Về quan điểm của bị đơn Bùi Thu N:* Chị Bùi Thu N thừa nhận chị và anh Ngô Việt A đã ký hợp đồng tín dụng vay 50,000,000đ (*năm mươi triệu đồng*) của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh - Phòng giao dịch Quảng Yên với thời hạn vay là 48 tháng, không có thế chấp với mục đích mua sắm trang thiết bị gia đình. Tuy nhiên chị không trực tiếp nhận và cũng không được sử dụng số tiền này; khi ly hôn chị và anh Ngô Việt A có thỏa thuận là anh Việt A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ đó với ngân hàng do đó chị không có trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay nói trên. Nhưng chị N không cung cấp và xuất trình được bất kỳ chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, nên quan điểm của chị N không có căn cứ để chấp nhận. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, chị Bùi Thu N và anh Ngô Việt A là vợ chồng nên căn cứ khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân

và Gia đình nên chị Bùi Thu N và anh Ngô Việt A đều phải có nghĩa vụ liên đới đối với khoản vay 50,000,000đ (*năm mươi triệu đồng*) của Ngân hàng TMCP B.

[3] *Về lãi suất*: Kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2023 anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N tiếp tục phải chịu tiền lãi và lãi quá hạn trên số nợ gốc theo các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD31B2021157 ngày 17/8/2021.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Tuyên xử:

1. *Về nghĩa vụ trả nợ*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc bị đơn là anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/11/2023 là 53,264,091đ (*năm mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm chín mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là 43,699,993đ (*bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*), lãi quá hạn là 7,294,307đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi tư nghìn ba trăm linh bảy đồng*), lãi chậm trả gốc là 2,268,791đ (*hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30 tháng 11 năm 2023) anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD31B2021157 ngày 17/8/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. *Về án phí*: Buộc anh Ngô Việt A và chị Bùi Thu N phải nộp số tiền là 2,663,204đ (hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm linh bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1,092,000đ (một triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên theo biên lai thu số 0010318 ngày 21/7/2023.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Quảng Yên;
- Chi cục THADS TX Quảng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Huy

